TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 238/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2024/QĐST-DS ngày 20/6/2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu P,** sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đại T,** sinh năm 1994;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại: Singapore. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đại T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/11/2013. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2014

thì anh T đi lao động tại Đài Loan-Trung Quốc, khoảng 02 năm đầu vợ chồng tình cảm vẫn bình thường, thường xuyên liên lạc quan tâm hỏi thăm nhau. Từ năm 2017 tình cảm vợ chồng bắt đầu lạnh nhạt, anh T ít liên lạc và quan tâm đến vợ con. Chị có liên lạc thì anh T thường xuyên cáu gắt dẫn đến không chia sẻ được với nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Năm 2022 anh T có về phép nhưng chị và anh T không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau. Sau đó anh T tiếp tục đi nước ngoài lao động cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đại T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Đình Q, sinh ngày 16/10/2013 hiện đang ở cùng với ông bà nội. Khi ly hôn chị nhất trí để anh T được nuôi dưỡng cháu Q đến khi thành niên. Nhất trí để bà nội tạm nuôi cháu trong thời gian anh T ở nước ngoài.

Về tài sản chung,nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ của anh T) thể hiện: Hiện nay anh T đang lao động ở nước ngoài (Singapore) còn địa chỉ cụ thể thì bà không biết, anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho anh T biết, anh T không gửi quan điểm thể hiện bằng văn bản nhưng trao đổi qua điện thoại, anh T có quan điểm đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đình Q, sinh ngày 16/10/2013. Trong thời gian anh T đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng bà sẽ nuôi cháu Q. Anh T không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Chị P và anh T kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị P và anh T do anh T đi làm ăn xa đã lâu vợ chồng nên thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau về cuộc sống cũng như công việc dẫn đến không hòa hợp trong cuộc sống, lạnh nhạt trong tình cảm vợ chồng. Nay chị P có đơn ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Con chung của chị P và anh T là Nguyễn Đình Q, sinh ngày 16/10/2013 có nguyện vọng được ở với anh T.

Tại phiên tòa: Chị P, bà N vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn giấu địa chỉ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Phạm Thị Thu P ly hôn anh Nguyễn Đại T; Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đại T nuôi dưỡng con chung Nguyễn

Đình Q, sinh ngày 16/10/2013. Anh Nguyễn Đại T tự nguyện không yêu cầu Chị P phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thu P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Đại T. Anh T hiện đang sinh sống và lao động tại Singapore (theo gia đình bà N cung cấp thông tin). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa chị P, bà N đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu P và anh Nguyễn Đại T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/11/2013. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2014 thì anh T đi lao động tại Đài Loan – Trung Quốc, khoảng 02 năm đầu vợ chồng tình cảm vẫn bình thường, thường xuyên liên lạc quan tâm nhau. Từ năm 2017 tình cảm vợ chồng bắt đầu lạnh nhạt, anh T ít liên lạc và quan tâm đến vợ con. Chị có liên lạc thì vợ chồng lại cãi nhau dẫn đến không chia sẻ được với nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Năm 2022 anh T về phép nhưng chị và anh T không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị P, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị P được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Đình Q, sinh ngày 16/10/2013. Chị P đề nghị để anh T được nuôi dưỡng cháu Q đến khi thành niên, trong thời gian anh T ở nước ngoài, chị nhất trí tạm giao con chung cho bà nội là Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Anh T có quan điểm nhất trí. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho con chung chưa thành nên, HĐXX giao cho do anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là phù hợp. Trong thời gian anh T lao động tại nước ngoài, tạm giao cho bà Nguyễn Thị N chăm sóc cháu Q. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của các đương sự.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh T xác định không có tài chung, nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không

xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị Thu P** ly hôn với anh **Nguyễn Đại T**.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đại T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Đình Q, sinh ngày 16/10/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đại T không yêu cầu chị Phạm Thị Thu P phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Phạm Thị Thu P thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong thời gian anh Nguyễn Đại T ở nước ngoài, tạm giao cho bà Nguyễn Thị N nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 16/10/2013.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000665 ngày 08/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đại T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, chị Phạm Thị Thu P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời gian kháng cáo kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân